TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNTHẠCHTHÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST
Ngày: 30 - 6 - 2023
V/v:Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Dần ;
2. Ông Nguyễn Mạnh Thìn.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

***Đại diện VKSND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Không*:** Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 về: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐST- DS ngày 14 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP B.**

Địa chỉ: Tòa nhà L - số B T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được ủy quyền: Ông Lê Tiến D - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B, chi nhánh T2.

Người được ông Lê Tiến D ủy quyền lại: Ông Lê Văn L - Chức vụ: Phó giám đốc P - chi nhánh T2(Văn bản ủy quyền số 157a/2022/ QĐ-LPB.TH ngày 01/11/2022).

Nay được thay bằng giấy ủy quyền số: 130/2023/QĐ - LPB.TH ngày 19/06/2023 của ông Trần Thanh H1 - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B, chi nhánh T2.

Địa chỉ: Khu C thị trấn V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt.

- *Bị đơn:*

- Ông Vũ Thanh T1; Sinh năm 1985

- Bà Lê Thị H2, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2022 và quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP B trình bày:

Vợ chồng ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2, được Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh T2 - Phòng G, cho vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) để thanh toán tiền làm nhà ở từ ngày 22/02/2021 theo Hợp đồng tín dụng số HDTD96B202117 và Kế ước nhận nợ số 96 B202117/01 ngày 24/02/2021.

Lãi suất cho vay là 10%/ năm tại thời điểm giải ngân, điều chỉnh định kỳ 03 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn cho vay là 120 tháng; phương thức trả nợ: Gốc, lãi trả hàng tháng.

Tài sản thế chấp: Bất động sản tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, quyền sỡ hữu nhà và tài sản khác gắn liền trên đất số CO077910 do UBND huyện T cấp ngày 03/7/2018 cho ông Vũ Thanh T1, theo Hợp đồng thế chấp số HĐTC 96B202117 ngày 22/02/2021.

Quá trình trả nợ đến ngày 21/3/2023 ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2 đã trả cho ngân hàng TMCP B được số tiền là: 79.479822 đồng (Trong đó: Tiền gốc: 41.026.091 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn là: 38.453.731 đồng.

Số tiền ông T1, bà H2 còn nợ ngân hàng đến ngày 23/11/2022 là 213.802.497 đồng (trong đó tiền nợ gốc: 208.973.909 đồng, tiền lãi: 4.773.102 đồng, lãi quá hạn 55.486 đồng.

Từ ngày 23/11/2022 đến nay ông T1, bà H2 đã trả được thêm số tiền là 15.922.605 đồng (Trong đó tiền nợ gốc: 7.265.745 đồng, tiền lãi: 8.656.860 đồng).

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở, yêu cầu gia đình ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2 trả nợ theo các cam kết đã ký, tuy nhiên đến nay ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2 vẫn không trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa (Ngày 30 tháng 6 năm 2023), Ngân hàng TMCP B đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T1, bà H2 phải trả nợ ngay khoản vay của Ngân hàng TMCP B theo hợp đồng tín dụng số HDTD96B202117 ngày 22/02/2021 và khế ước nhận nợ số

96B202117/01 ngày 24/02/2021 với tổng số tiền là: 238.380.031đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu, ba trăm tám mươi nghìn không trăm ba mốt đồng). Trong đó:

- Tiền nợ gốc là: 201.700.000 đồng;
- Tiền lãi trong hạn là: 20.400.031 đồng;
- Tiền lãi quá hạn là: 16.280.000 đồng.

Và tiếp tục tính lãi từ ngày 01/7/2023 theo thỏa thuận đã được ký trong hợp đồng số HDTD96B202117 ngày 22/02/2021 và khế ước nhận nợ số 96B202117/01 ngày 24/02/2021 cho đến khi ông T1, bà H2 thanh toán xong toàn bộ tiền nợ cho ngân hàng TMCP B.

Trường hợp ông T1, bà H2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp là Bất động sản tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, quyền sỡ hữu nhà và tài sản khác gắn liền trên đất số CO077910 do UBND huyện T cấp ngày 03/7/2018 cho ông Vũ Thanh T1, theo Hợp đồng thế chấp số HĐTC 96B202117 ngày 22/02/2021 để trả nợ cho ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông T1, bà H2 không đến Tòa án làm việc và không có văn bản ghi ý kiến nộp cho Tòa án. Do đó, không có lời khai của ông T1, bà H2 trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Chấp nhận Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.
- Buộc ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2 phải trả cho ngân hàng TMCP B số tiền 238.380.031đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu, ba trăm tám mươi nghìn không trăm ba mốt đồng). Trong đó:
- Tiền nợ gốc là: 201.700.000 đồng;
- Tiền lãi trong hạn là: 20.400.031 đồng;
- Tiền lãi quá hạn là: 16.280.000 đồng.

Và tiếp tục tính lãi từ ngày 01/7/2023 theo thỏa thuận đã được ký trong hợp đồng số HDTD96B202117 ngày 22/02/2021 và khế ước nhận nợ số 96B202117/01 ngày 24/02/2021 cho đến khi ông T1, bà H2 thanh toán xong toàn bộ tiền nợ cho ngân hàng TMCP B.

Trường hợp ông T1, bà H2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp là Bất động sản, quyền sỡ hữu nhà và tài sản khác gắn liền trên đất số CO077910 do UBND huyện T cấp ngày 03/7/2018 cho ông Vũ Thanh T1, để trả nợ cho ngân hàng.

Về án phí: Buộc ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1].Về tố tụng: Ngân hàng TMCP B và ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2 đang tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản". Do ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

[2]. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhiều lần nhưng vợ chồng ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2 không có mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2 và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập hợp hợp lệ ông T1, bà H2 đến phiên hoà giải nhưng ông T1, bà H2 đều không đến để tham gia hòa giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[3]. Tại phiên tòa, ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do; căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2.

[4]. Về hình thức của hợp đồng: Theo hợp đồng vay vốn số HDTD96B202117 ngày 22/02/2021 mà đại diện nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, việc ký kết hợp đồng giữa ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2 với Ngân hàng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, đảm bảo điều kiện về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, phần cuối hợp đồng có chữ ký của người vay tiền là ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2, chữ ký và đóng dấu của bên phía Ngân hàng. Nội dung của hợp đồng không vi pháp pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp.

[5]. Về số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ: Theo hợp đồng tín dụng số: HDTD96B202117 ngày 22/02/2021 và khế ước nhận nợ số: 96B202117/01 ngày 24/02/2021, ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2 được Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh V cho vay số tiền là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích vay là để "Thanh toán tiền làm nhà ở". Hai bên thỏa thuận Lãi suất cho vay là 10%/ năm tại thời điểm giải ngân, điều chỉnh định kỳ 03 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn cho vay là 120 tháng; phương thức trả nợ: Gốc, lãi trả hàng tháng.

Quá trình trả nợ đến ngày 21/3/2023 ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2 đã trả được: 79.479822 đồng (Trong đó: Tiền gốc: 41.026.091đồng và tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn là: 38.453.731 đồng.

Sau ngày 21/3/2023 ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2 không trả được tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận mà chỉ trả được số tiền là 15.922.605 đồng (Trong đó tiền nợ gốc: 7.265.745 đồng, tiền lãi: 8.656.860 đồng).

Như vậy ông T1, bà H2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông T1, bà H2 có trách nhiệm trả nợ là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 357, 463, 466, 468 BLDS. Do đó buộc ông T1, bà H2 phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tính đến ngày 30/6/2023 là 238.380.031đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu, ba trăm tám mươi nghìn không trăm ba mốt đồng). Trong đó:

- Tiền nợ gốc là: 201.700.000 đồng;
- Tiền lãi trong hạn là: 20.400.031 đồng;
- Tiền lãi quá hạn là: 16.280.000 đồng.

[6]. Đối với yêu cầu của Ngân hàng đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến ngày ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Xét thấy thỏa thuận này đã được các bên giao kết trong Hợp đồng và phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng TMCP B.

[7]. Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc: Ông T1, bà H2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp là bất động sản tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, quyền sỡ hữu nhà và tài sản khác gắn liền trên đất số CO077910 do UBND huyện T cấp ngày 03/7/2018 cho ông Vũ Thanh T1, theo Hợp đồng thế chấp số HĐTC 96B202117 ngày 22/02/2021 để trả nợ cho ngân hàng. HĐXX thấy thỏa thuận này đã được các bên giao kết trong Hợp đồng tín dụng và trong Hợp đồng thế chấp số HĐTC 96B202117 ngày 22/02/2021 phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là: 11.919.000đ (Mười một triệu chín trăm mười chín nghìn đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP B - chi nhánh V, tỉnh Thanh Hóa số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 275, Điều 280, khoản 1 Điều 351, Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 147 BLTTDS; Điểm b khoản 1 điều 24, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B. Buộc vợ chồng ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2 phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền: 238.380.031 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu, ba trăm tám mươi nghìn không trăm ba mốt đồng).

2. Ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2 phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh đối với khoản tiền dư nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết số dư nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng số HDTD96B202117 ngày 22/02/2021.

3. Trường hợp ông T1, bà H2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp là bất động sản tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, quyền sỡ hữu nhà và tài sản khác gắn liền trên đất số CO077910 do UBND huyện T cấp ngày 03/7/2018 cho ông Vũ Thanh T1, theo Hợp đồng thế chấp số HĐTC 96B202117 ngày 22/02/2021 để trả nợ cho ngân hàng.

4. Về án phí: Buộc ông Vũ Thanh T1, bà Lê Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 11.919.000đ (Mười một triệu chín trăm mười chín nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền 5.325.000đ (Năm triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007949 ngày 15/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Toá án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn